

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 05/HTT/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THÚY**

Địa chỉ: Số 3145, ấp Bình Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0916 465 964

Fax: E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3602613785

Giấy chứng nhận HACCP: Số 240243.FMS.CN24; Ngày cấp 17/06/2024; Nơi cấp: Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **MÍT SẤY THANH THÚY**

2. Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 150 g; 200 g; 250 g; 300 g; 400g; 500 g
- Chất liệu bao bì: Đóng gói bằng vật liệu được tiếp xúc trực tiếp thực phẩm theo quy định.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (Trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Sản xuất tại: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN**

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số 0028/2021/NNPTNT-ĐN; Ngày cấp 18/10/2021; Nơi cấp: Chi cục phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng Nông Lâm Thủy sản Đồng Nai

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THÚY đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG THANH THÚY



Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến

Tên sản phẩm: MÍT SÁY THANH THUY

Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)

Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ngay sau khi mở bao bì

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Khối lượng tịnh: 150 g

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THUY

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Barcode sản phẩm

Xuất xứ: Việt Nam

Nutrition Facts

servings per container

Serving size 100 g

Amount per serving

Calories 400

% Daily Value *

Total Fat 8 g 11%

Saturated Fat 4 g 19%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 0 mg 0%

Total Carbohydrate 77 g 28%

Dietary Fiber 3 g 11%

Total Sugars 68 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 5 g

Vitamin D 0 mcg 0%

Calcium 80 mg 6%

Iron 4.2 mg 25%

Potassium 1860 mg 40%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG THANH THUY

Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến

Tên sản phẩm: MÍT SẤY THANH THÚY

Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)

Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ngay sau khi mở bao bì

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Khối lượng tịnh: 200 g

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THÚY

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Barcode sản phẩm

Xuất xứ: Việt Nam

Nutrition Facts

servings per container

Serving size 100 g

Amount per serving

Calories 400

% Daily Value *

Total Fat 8 g 11%

Saturated Fat 4 g 19%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 0 mg 0%

Total Carbohydrate 77 g 28%

Dietary Fiber 3 g 11%

Total Sugars 68 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 5 g

Vitamin D 0 mcg 0%

Calcium 80 mg 6%

Iron 4.2 mg 25%

Potassium 1860 mg 40%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



HOANG THANH THUY

Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến

Tên sản phẩm: **MÍT SẤY THANH THÚY**

Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)

Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ngay sau khi mở bao bì

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Khối lượng tịnh: 250 g

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THÚY

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Barcode sản phẩm

Xuất xứ: Việt Nam

Nutrition Facts

servings per container

Serving size 100 g

Amount per serving

Calories 400

% Daily Value *

Total Fat 8 g 11%

Saturated Fat 4 g 19%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 0 mg 0%

Total Carbohydrate 77 g 28%

Dietary Fiber 3 g 11%

Total Sugars 68 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 5 g

Vitamin D 0 mcg 0%

Calcium 80 mg 6%

Iron 4.2 mg 25%

Potassium 1860 mg 40%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG THANH THÚY

Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến

Tên sản phẩm: MÍT SÁY THANH THÚY
Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)
Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì
Hướng dẫn sử dụng: Ăn trực tiếp sau khi mở bao bì
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
Khối lượng tịnh: 300 g
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THÚY
Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN
Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Barcode sản phẩm
Xuất xứ: Việt Nam

Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	100 g
Amount per serving	
Calories	400
% Daily Value *	
Total Fat 8 g	11%
Saturated Fat 4 g	19%
Trans Fat 0 g	
Cholesterol 0 mg	0%
Sodium 0 mg	0%
Total Carbohydrate 77 g	28%
Dietary Fiber 3 g	11%
Total Sugars 68 g	
Includes 0 g Added Sugars	0%
Protein 5 g	
Vitamin D 0 mcg	0%
Calcium 80 mg	6%
Iron 4.2 mg	25%
Potassium 1860 mg	40%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG THANH THÚY

Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến

Tên sản phẩm: MÍT SẤY THANH THUY

Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)

Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Ăn trực tiếp sau khi mở bao bì

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Khối lượng tịnh: 400 g

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THUY

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN

Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Barcode sản phẩm

Xuất xứ: Việt Nam

Nutrition Facts

servings per container

Serving size 100 g

Amount per serving

Calories 400

% Daily Value *

Total Fat 8 g 11%

Saturated Fat 4 g 19%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 0 mg 0%

Total Carbohydrate 77 g 28%

Dietary Fiber 3 g 11%

Total Sugars 68 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 5 g

Vitamin D 0 mcg 0%

Calcium 80 mg 6%

Iron 4.2 mg 25%

Potassium 1860 mg 40%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG THANH THUY

Nội dung nhãn sản phẩm dự kiến

Tên sản phẩm: MÍT SẤY THANH THỦY	Nutrition Facts
Thành phần: Mít (98%), dầu thực vật (2%)	servings per container
Ngày sản xuất (NSX): Xem trên bao bì	Serving size 100 g
Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì	Amount per serving
Hướng dẫn sử dụng: Ăn trực tiếp sau khi mở bao bì	Calories 400
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp	% Daily Value *
Khối lượng tịnh: 500 g	Total Fat 8 g 11%
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.	Saturated Fat 4 g 19%
Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THỦY	Trans Fat 0 g
Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cholesterol 0 mg 0%
Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG VÂN	Sodium 0 mg 0%
Địa chỉ: Số 3145, Ấp Bình Hoà, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Total Carbohydrate 77 g 28%
Barcode sản phẩm	Dietary Fiber 3 g 11%
Xuất xứ: Việt Nam	Total Sugars 68 g
	Includes 0 g Added Sugars 0%
	Protein 5 g
	Vitamin D 0 mcg 0%
	Calcium 80 mg 6%
	Iron 4.2 mg 25%
	Potassium 1860 mg 40%
	* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG THANH THỦY



Trang/ Page No: 1/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1240500419-2

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG THANH THÚY
Địa chỉ/ Client's Address : Số 3145, ấp Bình Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 10/05/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 10/05/2024 - 15/05/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 15/05/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : MÍT SẤY THANH THÚY
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	3.4 x 10 ²	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
7	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0)	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
8	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55





Trang/ Page No: 2/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1240500419-2

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
9	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
10	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
11	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
12	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
13	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
14	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	405	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
15	Béo tổng (*) / Total fat (*)	8.38	%	AVA-KN-PP.HL/02
16	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	3.77	%	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
17	Trans fat (*) / Trans fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	%	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
18	Cholesterol (*) / Cholesterol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 10)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/096 (Ref. AOAC 994.10)
19	Natri (Na)(*) / Sodium (Na)(*)	7.09	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
20	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	77.4	%	AVA-KN-PP.HL/04
21	Xơ dinh dưỡng (*) / Total dietary fiber (*)	3.09	%	TCVN 9050:2012
22	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	67.5	%	AVA-KN-PP.HL/03
23	Đạm (*) / Protein (*)	4.91	%	AVA-KN-PP.HL/01

Đovan



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1240500419-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
24	Canxi (Ca) / Calcium (Ca)	787	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/016
25	Sắt (Fe) / Iron (Fe)	42.4	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072
26	Kali (K)(*) / Potassium (K)(*)	18553	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/015 (Ref. AOAC 985.35)
27	Vitamin D (D3) (*) / Vitamin D (D3) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/061

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.






Trang/ Page No: 4/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1240500419-2

Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	100g
Amount per serving	
Calories	400
	% Daily value*
Total Fat 8g	11%
Saturated Fat 4g	19%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 0mg	0%
Total Carbohydrate 77g	28%
Dietary Fiber 3g	11%
Total Sugars 68g	
Includes 0g Added sugars	0%
Protein 5g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 80mg	6%
Iron 4.2mg	25%
Potassium 1860mg	40%
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	



PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH

